

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 17/4/2018
*Về việc “Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Hải và ông Trần Lê.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 01/03/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-KDTM ngày 29/03/2018.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K; Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do ông T, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP K, chi nhánh P làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 169/UQ-CNPY ngày 29/03/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP K chi nhánh P; Địa chỉ: 101-103 N, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: Vợ chồng anh K, sinh năm 1970 và chị V sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện P, Phú Yên. Chị V có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày: Ngày 20/05/2015, giữa Ngân hàng TMCP K và vợ chồng anh K, chị V có ký kết hợp đồng tín dụng số 178/15/HĐTD/2300-4951. Theo đó, vợ chồng anh K, chị V đã vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn là ngày 20/05/2017, mục đích vay là chăn nuôi bò, lãi suất trong hạn là 13,68%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay, lãi phạt chậm trả lãi 0,05% trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả.

Để bảo đảm khoản nợ vay trên, vợ chồng anh K, chị V thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng anh K, chị V.

Hết thời hạn vay, vợ chồng anh K, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/04/2018, anh K và chị V còn nợ Ngân hàng tổng cộng 120.577.846 đồng (trong đó nợ gốc: 120.511.414 đồng, lãi quá hạn: 66.432 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh K, chị V phải trả số tiền nợ nói trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 178/15/HĐTD/2300-4951 ngày 20/05/2015 từ ngày 18/04/2018 cho đến khi thanh toán xong số dư nợ gốc. Trường hợp vợ chồng anh K, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại bản trình bày đề ngày 01/02/2018 và tại phiên tòa, bị đơn chị V trình bày: Chị V thừa nhận ngày 19/05/2015, vợ chồng anh K, chị V có ký kết hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 150.000.000 đồng và có thế chấp tài sản của vợ chồng cho Ngân hàng. Vì hoàn cảnh khó khăn nên không trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Hiện nay, vợ chồng anh K, chị V còn nợ Ngân hàng tổng cộng tiền gốc và lãi là 120.577.846 đồng. Chị V xin trả dần 10.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 05/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn anh K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh K vắng mặt là không chấp hành quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh K.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 20/05/2015, giữa Ngân hàng TMCP K và anh K, chị V có ký kết hợp đồng tín dụng số 178/15/HĐTD/2300-4951, theo đó Ngân hàng cho anh K, chị V vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn là ngày 20/05/2017, mục đích vay là chăn nuôi bò, lãi suất trong hạn là 13,68%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay, lãi phạt chậm trả lãi 0,05% trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả. Để bảo đảm khoản nợ vay trên, anh K, chị V thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn Á, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh K, chị V.

Hết thời hạn vay, vợ chồng anh K, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/04/2018, anh K và chị V còn nợ Ngân hàng tổng cộng 120.577.846 đồng (trong đó nợ gốc: 120.511.414 đồng, lãi quá hạn: 66.432 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh K, chị V phải trả số tiền nợ nói trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 178/15/HĐTD/2300-4951 ngày 20/05/2015 từ ngày 18/04/2018 cho đến khi thanh toán xong số dư nợ gốc. Trường hợp vợ chồng anh K, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Bị đơn chị V thừa nhận nợ gốc và lãi như nguyên đơn trình bày và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi trả dứt điểm nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Vợ chồng anh K, chị V không thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn anh K, chị V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K tổng cộng 120.577.846 đồng (trong đó nợ gốc: 120.511.414 đồng, lãi quá hạn: 66.432 đồng).

Trường hợp anh K, chị V không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn Á, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng anh K, chị V để thu hồi nợ.

Trường hợp anh K, chị V trả hết số nợ trên thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng anh K, chị V

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật; Hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn anh K, chị V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định cụ thể là $120.577.846 \text{ đồng} \times 5\% = 6.028.892 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 4 Luật Thương mại; Điều 317; 463; 466; 468; 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc anh K, chị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền 120.577.846 đồng (*một trăm hai mươi triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*) (trong đó tiền gốc là 120.511.414 đồng (*một trăm hai mươi triệu, năm trăm mười một nghìn, bốn trăm mười bốn đồng*), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/04/2018 là 66.432 đồng (*sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng*)) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh K và chị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh K và chị V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh K và chị V không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh K và chị V để thu hồi nợ.

Trường hợp anh K và chị V trả nợ xong thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 962, tờ bản đồ số 302-D, diện tích 185m² tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 634597 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp ngày 17/12/2012 mang tên anh K và chị V theo hợp đồng thế chấp số 65/15/HĐTC-BDS/2300-4951 ngày 19/05/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng và anh K và chị V.

Về án phí: Bị đơn anh K và chị V phải chịu 6.028.892 đồng (*sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*) án phí KDTM/ST. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 3.976.000 đồng (*ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 7837 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. P;
- Chi cục THADS H.P
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang